

Số: 1347/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện
Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ
kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 của Bộ Y tế.

Điều 2. Tổng cục Dân số chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Chi cục DS-KHHGD các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TCDS (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

BỘ Y TẾ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH CỨNG CỐ, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

I. SỰ CẦN THIẾT

Kế hoạch hóa gia đình là biện pháp chủ yếu để điều chỉnh mức sinh góp phần bảo đảm cuộc sống no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc¹. Điều chỉnh mức sinh trong bối cảnh mức sinh chênh lệch giữa các vùng, đối tượng cần “tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp”². Như vậy, KHHGD không chỉ để điều chỉnh mức sinh mà còn giúp người dân thực hiện biện pháp tránh thai để tránh mang thai ngoài ý muốn, dự phòng vô sinh, giảm phá thai, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em có liên quan đến thai sản, cải thiện sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Trong những năm qua, Chương trình Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Việt Nam đã không chế thành công tốc độ gia tăng nhanh quy mô dân số. Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm của giai đoạn 2009 - 2019 là 1,14% thấp hơn giai đoạn 1999 - 2009 là 1,18%³, thấp hơn rất nhiều so với 3 - 4 thập kỷ trước đây là trên dưới 3%/năm. Tốc độ gia tăng dân số của nước ta ở mức rất thấp so với nhiều nước, vùng lãnh thổ trong khu vực và trên thế giới⁴. Tổng tỷ suất sinh (TFR) giảm từ 6,3 con/phụ nữ vào năm 1960 xuống 2,09 con năm 2006 và duy trì ở mức sinh thay thế trong hơn một thập kỷ qua. Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai của Việt Nam đạt ở mức cao so với khu vực Đông Nam Á, châu Á và trên thế giới⁵.

Từ năm 2011, Việt Nam đã ở nhóm nước có thu nhập trung bình thấp. Năm 2018, tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người khoảng 2.587 USD. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập của đất nước, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, khả năng tự chi trả cho các dịch vụ ngày càng tăng. Kiến

¹ Pháp lệnh Dân số 2013.

² Nghị quyết số 21/NQ-TW ngày 25/10/2017.

³ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở 1.4.2019.

⁴ Theo Cục Dân số Hoa Kỳ thì tốc độ tăng dân số tự nhiên của Việt Nam hiện nay thấp hơn khu vực Châu Á và trên Thế giới, xếp thứ 8/11 quốc gia Đông Nam Á (sau Singapor và Thái Lan).

⁵ Cục Dân số Hoa Kỳ, 2017

thức, hiểu biết về KHHGD được người dân tiếp cận từ nhiều nguồn, trong đó có mạng xã hội, internet...

Tuy nhiên, Chương trình Kế hoạch hóa gia đình nước ta đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, là quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới và thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, mỗi năm quy mô dân số vẫn tăng tương ứng dân số một tỉnh.

Mặc dù, Việt Nam đã đạt mức sinh thay thế nhưng mức sinh còn biến động khó lường, vẫn còn 33 tỉnh/thành phố có mức sinh cao, thậm chí rất cao; nhu cầu phương tiện tránh thai vẫn tiếp tục tăng do số phụ nữ 15 - 49 tuổi vẫn tiếp tục gia tăng; tình trạng phá thai, vô sinh cao và có xu hướng tăng; nhu cầu tránh thai chưa đáp ứng vẫn còn cao, nhất là nhóm vị thành niên, thanh niên, người di cư⁶ ảnh hưởng đến việc cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ em và hạnh phúc của hàng triệu gia đình.

Bên cạnh đó, thị trường phương tiện tránh thai chậm phát triển, chủ yếu là cung cấp viên uống tránh thai và bao cao su. Mặc dù, nhà nước đã ban hành các chính sách khuyến khích, phát triển xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, nhưng mức độ phát triển còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu theo phân đoạn thị trường ngày càng đa dạng của từng nhóm đối tượng.

Nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập nêu trên, ngày 19/11/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1848/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

Để triển khai thực hiện, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 của Bộ Y tế để triển khai Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Kế hoạch hành động được thực hiện từ năm 2021 đến năm 2030 và chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: từ năm 2021 đến 2025.
- Giai đoạn 2: từ năm 2026 đến 2030.

⁶ TCTK: Điều tra đánh giá các chỉ tiêu về phụ nữ và trẻ em MICS năm 2014

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách; quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số quy định về cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Các hoạt động:

- Khảo sát, đánh giá tác động của các quy định có liên quan đến việc cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, giảm phá thai và dự phòng vô sinh tại cộng đồng;

- Xây dựng và ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp với cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, giảm phá thai và dự phòng vô sinh tại cộng đồng;

- Tổ chức hội thảo, hội nghị để phổ biến các văn bản pháp luật và các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật sau khi được phê duyệt.

- Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn chuyên môn về các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật sau khi được phê duyệt.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Vụ Bảo hiểm y tế; Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.

b) Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình

- Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn;

- Nghiên cứu, phân tích thị trường kịp thời ban hành chính sách phù hợp về phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

- Nghiên cứu, phân tích các yếu tố tác động đến xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; xây dựng và ban hành cơ chế xã hội hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Vụ Bảo hiểm y tế; Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan.

c) Hướng dẫn ban hành nghị quyết, quyết định, kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương.

Các hoạt động:

- Xây dựng và ban hành các văn bản của cấp ủy, chính quyền, thống nhất nhận thức, quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chương trình;

- Tổ chức hội thảo, hội nghị để tuyên truyền, quán triệt các văn bản chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số

Đơn vị phối hợp: Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị liên quan.

d) Thử nghiệm, phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Các hoạt động:

- Thử nghiệm lâm sàng các biện pháp tránh thai mới và các kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình tiên tiến;

- Phổ biến, thúc đẩy áp dụng các kỹ thuật mới, hiện đại đã được phép lưu hành tại Việt Nam.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Cục Khoa học, Công nghệ và Đào tạo; Cục Quản lý khám, chữa bệnh; Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em và các đơn vị liên quan.

2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Định kỳ cung cấp thông tin, vận động cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Các hoạt động:

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông lớn như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam,... tăng cường phát sóng, đăng tải các tin, bài, phóng sự về cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản, thực hiện các biện pháp tránh thai, giảm phá thai và dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

- Tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm trên truyền hình, trên các báo và các cơ quan liên quan với sự tham gia của các nhà quản lý, các tổ chức, cá nhân quan tâm nhằm tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ nguồn lực cho Chương trình và tham gia xã hội hóa cung ứng phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Vụ Truyền thông và Thi đua, khen thưởng; Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị liên quan.

b) Đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng; các sản phẩm truyền thông phù hợp với từng vùng miền, địa phương. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các Chương trình, Đề án khác.

Các hoạt động:

- Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình qua internet, trang tin điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động và các phương tiện truyền tin khác;

- Tăng cường truyền thông về phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên các trang tin có nhiều người truy cập cụ thể với từng nhóm đối tượng đích;

- Chuyển tải các nội dung, tài liệu truyền thông về phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình từ bản tin sang bản điện tử đưa lên mạng internet; cung cấp các ấn phẩm truyền thông phổ biến tại các địa phương;

- Hướng dẫn tổ chức tuyên truyền, vận động về phương tiện tránh thai, thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình lồng ghép với các hoạt động truyền thông của các chương trình khác tại địa phương.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Vụ Truyền thông, Thi đua - Khen thưởng; Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị có liên quan.

c) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

Các hoạt động:

- Khảo sát, đánh giá nhu cầu giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính của từng lứa tuổi trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi;

- Xây dựng chương trình và tài liệu giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Thí điểm và từng bước mở rộng chương trình và tài liệu giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi;

- Sơ kết, đánh giá và hoàn chỉnh chương trình và tài liệu đào tạo.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em và các đơn vị có liên quan.

d) Hướng dẫn tăng cường tư vấn sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng.

Các hoạt động:

- Xây dựng, hoàn thiện, bổ sung tài liệu hướng dẫn tư vấn sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng.

- Tập huấn tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

- Tập huấn tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị có liên quan.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

a) Hướng dẫn các địa phương củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở các cấp; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; ưu tiên đầu tư cho vùng mức sinh cao.

Các hoạt động:

- Tập huấn hướng dẫn cho địa phương về củng cố và kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nhất là tuyến cơ sở;

- Tập huấn hướng dẫn cho địa phương về đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của các cơ sở dịch vụ (cơ sở vật chất, trang thiết bị) cho tuyến y tế cơ sở thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Cục Quản lý khám, chữa bệnh; Vụ Trang thiết bị và công trình y tế; Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị liên quan.

b) Đào tạo, đào tạo liên tục cho người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

Các hoạt động:

- Xây dựng, hoàn thiện các chương trình và tài liệu đào tạo về dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai;

- Đào tạo chuyên gia và giảng viên quốc gia, giảng viên tuyến tỉnh về dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai.

- Đào tạo giảng viên tuyến tỉnh về kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Cục Khoa học, Công nghệ và Đào tạo, Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị liên quan.

c) Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

Các hoạt động:

- Xây dựng, thí điểm triển khai và từng bước mở rộng các mô hình: Cung ứng dịch vụ KHHGD/SKSS di động tại khu công nghiệp, khu chế xuất; Cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS qua mạng (viễn thông, internet) và các mô hình khác có liên quan; Tiếp tục triển khai và mở rộng mô hình Cung ứng dịch vụ KHHGD/SKSS cho vị thành niên, thanh niên;

- Hướng dẫn địa phương triển khai mô hình; đánh giá kết quả mô hình; xây dựng các quy định để triển khai mở rộng.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị liên quan.

d) Thí điểm mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng.

Các hoạt động:

- Xây dựng, thí điểm và từng bước mở rộng các mô hình Tổ chức triển khai các mô hình hỗ trợ sinh sản, dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng, can thiệp giảm phá thai tại cộng đồng;

- Hướng dẫn địa phương triển khai mô hình; đánh giá kết quả mô hình, xây dựng các quy định để triển khai mở rộng.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.

Đơn vị phối hợp: Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị liên quan.

đ) Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS);

Các hoạt động:

- Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

- Hoàn thiện hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

- Quản trị hệ thống (thuê máy chủ, cập nhật và nâng cấp hệ thống, hỗ trợ kỹ thuật của hệ thống quản lý LMIS);

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại về quản trị hệ thống LMIS cho cán bộ các cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện LMIS.

Đơn vị chủ trì: Tổng cục Dân số.